

Tiến tới sử dụng khung phân loại thập phân Dewey - DDC làm công cụ phân loại thống nhất cho hệ thống thư viện ở nước ta

ĐÀO DUY TÂN^(*)

I. DDC và phân mở rộng một số chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn:

Trong những năm gần đây, những người làm công tác thông tin - thư viện ở nước ta đã có một quyết định quan trọng là xin phép Nhà nước cho dịch và mở rộng Khung phân loại thập phân Dewey của Mỹ (tên tiếng Anh là *Dewey Decimal Classification* – viết tắt: DDC) dùng để làm công cụ phân loại thống nhất tài liệu cho hệ thống các thư viện ở nước ta.

Khung DDC ra đời cách đây gần một thế kỷ và cho đến nay DDC đã xuất bản tới lần thứ 22 cho bộ đầy đủ, và bản rút gọn đã xuất bản tới lần thứ 14. Sau khi nghiên cứu, tham khảo những kiến thức của các chuyên gia thông tin - thư viện trong và ngoài nước (chủ yếu là Mỹ), Bộ Văn hóa - Thông tin đã quyết định cho phép dịch và mở rộng khung DDC để sử dụng ở Việt Nam. Cuộc Hội thảo do Vụ Thư viện thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức năm 2000 với chủ đề "Dịch và nghiên cứu áp dụng bảng phân loại Dewey vào công tác thư viện ở Việt Nam" là cuộc hội thảo đầu tiên quan trọng thảo luận về việc dịch, biên tập và mở rộng DDC. Tại cuộc Hội thảo này các chuyên gia đã phân tích nhiều khía cạnh của DDC, những khả năng ứng dụng DDC, những điều kiện cần và đủ khi chuyển sang dùng DDC và đặc biệt đi đến nhất trí đề nghị Nhà

^(*) NCVC, Phòng Nghiệp vụ Thư viện, Viện Thông tin KHXH.

nước cho dịch DDC làm công cụ phân loại thống nhất cho các thư viện cả nước và để hội nhập với cộng đồng thư viện thế giới. Cũng tại cuộc Hội thảo này nhiều chuyên gia kiến nghị dịch DDC bản đầy đủ xuất bản lần thứ 21, biên tập lại cho phù hợp với Việt Nam và không phá vỡ cấu trúc của nó và đồng thời phải tuân thủ luật bản quyền (1).

Tháng 9 năm 2001, Viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT) đã tổ chức Hội thảo "Hệ thống và tiêu chuẩn cho thư viện Việt Nam" tại Việt Nam. Các đại biểu tham gia Hội thảo đã đưa ra kiến nghị với Chính phủ Việt Nam về việc cho phép ứng dụng DDC như một tiêu chuẩn nghiệp vụ của Việt Nam, cùng với AACR 2 và MARC 21. Tại cuộc Hội thảo này, bà J. Mitchell - Tổng biên tập DDC của Trung tâm Thư viện Tin học hóa trực tuyến Hoa Kỳ (OCLC) đã giới thiệu khung DDC như một tiêu chuẩn tổ chức tri thức.

Một trong những vấn đề được trao đổi nhiều là nên lựa chọn và dịch ấn bản nào, bản đầy đủ hay bản rút gọn, để có thể đáp ứng nhu cầu của tất cả các thư viện ở nước ta. Cuối cùng OCLC đưa kiến nghị nên dịch bản rút gọn DDC 14 trước, bước tiếp theo sẽ dịch bản đầy đủ. Như vậy, bắt đầu từ năm 2003, OCLC - tổ chức giữ bản quyền, đã cho phép phía Việt Nam dịch và xuất bản DDC ấn bản lần thứ 14 để dùng cho hệ thống thư viện ở nước ta. Việc dịch và xuất bản DDC 14 ra tiếng Việt là một dự án lớn do Thư viện Quốc gia Việt Nam làm chủ dự án, RMIT tại Việt Nam là cơ quan giám sát dự án.

Chúng ta biết rằng DDC được biên soạn có khuynh hướng thiên về thực tiễn sử dụng của các nước Âu - Mỹ, các chủ đề Việt Nam còn sơ sài, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Cho nên vấn đề đặt ra là khi dịch, biên tập và xuất bản phải mở rộng các chủ đề về Việt Nam, như Lịch sử Việt Nam, Địa lý hành chính Việt Nam, Địa lý kinh tế Việt Nam, Văn học, Ngôn ngữ học, các Dân tộc Việt Nam, Chủ nghĩa Marx-Lenin v.v... Trên cơ sở những thực tiễn đó, OCLC và cơ quan biên tập và phát triển DDC thuộc Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ đã đồng ý với chủ trương mở rộng của Việt Nam và đã có chính sách biên tập lại, đưa vào bản đầy đủ

cũng như bản rút gọn để sử dụng cho các thư viện trên toàn cầu. Theo ông Vũ Văn Sơn - Hội Thông tin - Tư liệu Khoa học Công nghệ Việt Nam, thì "Việc mở rộng được tiến hành theo hai cách: lấy nguyên văn từ các phần tương ứng trong ấn bản đầy đủ DDC 22 hoặc dựa vào DDC 22 mà chi tiết hóa các chỉ số phân loại, bổ sung thêm các thông tin đặc thù của Việt Nam vào đề mục (Heading) và ghi chú (Note). Về nguyên tắc, bản dịch phải trung thành với nguyên bản (kể cả các phần bổ sung và mở rộng đã được Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ biên tập và OCLC thông qua) (2) và đảm bảo tính liên tục (Interoperable) giữa ấn bản rút gọn và ấn bản đầy đủ trong tương lai, nghĩa là các nguyên bản tiếng Anh của DDC khi cần thiết phải mở rộng, sẽ sử dụng cùng một ký hiệu đã chi tiết hóa có liên quan đến Việt Nam (3). Cấu trúc của phần thích nghi và mở rộng (kể cả cách diễn đạt đề mục) phải tương thích với mục tương ứng trong toàn khung nói chung và với bố cục các mục liên quan tới các nước trong khu vực nói riêng, khối lượng thích nghi và mở rộng phải cân đối với tầm cỡ quy định cho ấn bản rút gọn (4).

Tháng 8 năm 2006, bản dịch DDC rút gọn xuất bản lần thứ 14 bằng tiếng Việt đã được xuất bản, ra mắt cộng đồng thông tin - thư viện Việt Nam. Đây không chỉ là một bản dịch thuần túy mà đã được cải biến, mở rộng chủ đề cho phù hợp với quy mô nguồn tài liệu của nhiều thư viện ở nước ta.

Khi mở rộng DDC, những người biên tập đã đặt vấn đề phải khắc phục xu hướng của DDC nghiêng về thực tiễn sử dụng của các nước Âu - Mỹ. Trong DDC bản đầy đủ cũng như bản rút gọn, các phần, mục về Việt Nam không nhiều, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, hoặc có những quan niệm cấu trúc đề mục về Việt Nam chưa chính xác, chẳng hạn như phân kỳ lịch sử Việt Nam, phân vùng địa lý hành chính, địa lý kinh tế Việt Nam hay những đề mục về các đảng phái chính trị, về chủ nghĩa Marx-Lenin... Tất nhiên khi mở rộng DDC, Ban biên tập phải triệt để tuân thủ nguyên tắc cấu trúc của khung, không tạo ra những xáo trộn trong hệ thống ký hiệu của DDC, không khuyến khích áp dụng các chỉ số tùy chọn, đặc biệt là việc sử dụng ký hiệu của một chủ đề

này thay cho một chủ đề khác, vì trong bối cảnh hội nhập và chia sẻ thông tin ngày càng rộng rãi mang tính toàn cầu như hiện nay, thì cách làm đó dễ gây nhầm lẫn khi trao đổi thông tin với thế giới (2).

Việc mở rộng khung DDC chỉ tập trung chủ yếu vào các ngành khoa học xã hội và nhân văn, còn các khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ được giữ như nguyên bản. Chúng ta sẽ xem xét từng phần mục đã được mở rộng.

Về Chủ nghĩa Marx-Lenin

Đây là một trong những vấn đề nhạy cảm khi mở rộng DDC. Trong bản gốc của DDC, thì Chủ nghĩa Marx-Lenin xếp cùng lớp với Chủ nghĩa phát xít và như vậy phải tách thành hai lớp riêng, kết quả cụ thể như sau :

- 320 Hệ tư tưởng chính trị
- 320.532 Chủ nghĩa cộng sản
- 320.532 2 Chủ nghĩa Marx-Lenin
- 335 Chủ nghĩa xã hội và các hệ thống có liên quan
- 335.4 Hệ thống macxít
- 335.411 2 Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- 335.411 9 Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- 335.43 Chủ nghĩa cộng sản

Các biên tập viên của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ khuyến nghị không sử dụng ký hiệu 320.5 Chủ nghĩa xã hội dân chủ và 335.6 Chủ nghĩa phát xít trong ấn bản DDC 14 tiếng Việt, mà đưa các chủ đề này vào trong nội dung "Ghi chú bao gồm cả ở 335".

Trong DDC 14 các phần mục về chủ nghĩa Marx-Lenin rất sơ sài không thể đáp ứng được việc phân loại cho các tài liệu của các thư viện ở nước ta, cho nên những người dịch và biên tập mở rộng đã phải lấy nguyên bản các mục chi tiết của DDC xuất bản lần thứ 22. Việc kết hợp mở rộng DDC 14 và DDC 22 cho bản tiếng Việt không gây nên một cấu trúc các lớp tự phát mà vẫn đảm bảo tính

toàn vẹn cấu trúc của DDC.

Về đảng phái chính trị :

Những người biên tập DDC 14 đã thống nhất mở rộng chỉ số phân loại 324.259 7 các đảng phái ở Việt Nam.

324.259 702 Các Đảng chỉ còn ý nghĩa lịch sử (trước 1975)

324.259 707 Đảng Cộng sản Việt Nam

324.259 7 0709 Lịch sử, địa lý, con người

324.259 7071 Đề tài chung về Đảng Cộng sản Việt Nam

324.259 7075 Những thời kỳ cụ thể trong lịch sử Đảng

324.259 70754 1930 - 1999

324.259 707543 1930 - 1945

Trong mục này gồm có cả thời kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương

324.259 707 544 1945 - 1954

324.259 707 545 1954 - 1975

Xếp vào chỉ số này có các tác phẩm về thời kỳ là Đảng Lao động Việt Nam, 1951 - 1976, xem chỉ số 324.259.707544 và xem 324.259 707 547 (thời kỳ 1975 - 1976)

324.259 707 547 1975 - 1999

324.259 707 548 1986 - 1999

324.259 707 555 2000 đến nay

Bảng khu vực địa lý (Bảng 2)

Đây là bảng đòi hỏi những người biên tập mở rộng phải nghiên cứu nhiều phương án về phân vùng Địa lý Việt Nam, Địa lý hành chính Việt Nam, Địa lý kinh tế, Địa lý nhân văn v.v... Một trong những nguyên tắc quan trọng là khi mở rộng DDC bảng Địa lý Việt Nam, ta phải tuân thủ các văn bản, bản đồ địa lý tự nhiên và hành chính mới nhất của nước ta, các tên gọi dùng trong

các tài liệu chính thống của Việt Nam, đồng thời kết hợp với cấu trúc chung của bảng gốc DDC.

Trong DDC 14, Ban biên tập dành cho chủ đề về Việt Nam duy nhất chỉ có trợ ký hiệu 597. Như vậy cần phải mở rộng hơn và phù hợp với thực tiễn địa lý tự nhiên Việt Nam, với địa lý hành chính Việt Nam.

Trước khi dùng DDC 14, Ban biên tập đã đưa ra một số phương án mở rộng bảng địa lý. Trong một số bài viết đăng trong Bản tin Câu lạc bộ Thư viện, tác giả Lê Ngọc Oánh đã đề nghị cụ thể về việc mở rộng các con số liên quan đến Việt Nam trong khung phân loại thập phân Dewey (5). Theo tác giả Lê Ngọc Oánh, ký hiệu 597 thêm chữ số thứ 4 cho các miền Thượng du, Trung du, Châu thổ Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Cao nguyên Trung bộ, Duyên hải Trung bộ v.v...: chữ số thứ 5 cho các thành phố và các tỉnh; và chữ số thứ 6 cho các thị xã, quận, huyện.

Ông Lê Ngọc Oánh đã phân chia như sau:

- 597 1 Vùng Thượng du Bắc bộ
- 597 2 Vùng Trung du Bắc bộ
- 597 3 Châu thổ sông Hồng
- 597 4 Vùng Duyên hải Bắc Trung bộ
- 597 5 Vùng Duyên hải Nam Trung bộ
- 597 6 Vùng Tây Nguyên
- 597 7 Vùng Đông Nam bộ
- 597 8 Vùng Tây Nam bộ - sông Tiền
- 597 9 Vùng Tây Nam bộ - sông Hậu

Cách phân chia địa lý thành từng vùng của ông Lê Ngọc Oánh tương đối gọn, nhưng có tên gọi ít được sử dụng trong thực tế

phân vùng địa lý, như mục 597.8, 597.9 (thuật ngữ thường sử dụng là Vùng Đồng bằng sông Cửu Long mà ít dùng Vùng sông Hậu).

Trong khung phân loại UDC, những người biên soạn đã dựa vào cách phân chia của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) chia Việt Nam thành 7 vùng địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế:

- + (597.11) Vùng Trung du và Đồi núi Bắc bộ
- + (597.12) Vùng Châu thổ sông Hồng
- + (597.13) Vùng Duyên hải Bắc Trung bộ
- + (597.14) Vùng Duyên hải Nam Trung bộ
- + (597.15) Vùng Cao nguyên Trung bộ
- + (597.16) Vùng Đông Nam bộ
- + (597.17) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Ngoài ra, trong UDC vẫn còn tồn tại ba khu vực địa lý mà trong các văn bản chính thống của Việt Nam không còn dùng nữa và nó chỉ còn có ý nghĩa lịch sử như + (597.3) Nam Việt Nam, Cộng hòa Việt Nam; (1975) Nam Kỳ; (597.5) Trung Kỳ; + (597.7) Bắc Việt Nam, Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Bắc Kỳ. Việc phân chia trên đây đã được phía Việt Nam đề nghị sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn phân vùng địa lý kinh tế Việt Nam. Ngoài ra trong phân vùng địa lý Việt Nam, UDC còn đưa ra các ký hiệu đối với các vùng có trên 9 tỉnh, và các ký hiệu tỉnh, thành đó lại phải phân thành nhóm, nhưng mỗi nhóm không vượt quá 9 cấp phân chia. Thí dụ vùng Trung du và Đồi núi Bắc bộ chia thành hai nhóm + (597.111) và + (597.112), và mỗi nhóm thêm ký hiệu cho tỉnh, thí dụ + (597.111.1) Lai Châu; + (597.112.1) Bắc Giang v.v...

Sau khi nghiên cứu các phương án phân chia các khu vực địa lý Việt Nam, Ban biên tập DDC 14 đã chia nhỏ ký hiệu - 597 Việt Nam. Trước hết khẳng định có ba khu vực truyền thống phi hành chính mà trong văn bản chính thống của Việt Nam vẫn sử dụng. Đó là miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Trên nền tảng phân

chia đó lại được chi tiết hóa thành 9 vùng, miền (tiểu phân mục).

- 597 1 Miền núi phía Bắc Việt Nam
- 597 2 Miền Trung du Bắc bộ
- 597 3 Vùng Đồng bằng sông Hồng
- 597 4 Vùng Ven biển Bắc Trung bộ
- 597 5 Vùng Ven biển Nam Trung bộ
- 597 6 Vùng Tây Nguyên
- 597 7 Vùng Đông Nam bộ
- 597 8 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- 597 9 Vùng Đồng bằng sông Hậu

Trong 9 vùng, miền trên đây, thì tiểu mục - 597 9 Vùng Đồng bằng sông Hậu ít sử dụng trong thực tế phân vùng, bởi vì Vùng Đồng bằng sông Hậu là một bộ phận nằm trong Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Theo Ban biên tập DDC, việc thêm Vùng Đồng bằng sông Hậu vào bảng Địa lý Việt Nam làm cho các ký hiệu ngắn gọn hơn, không dùng nhiều các ghi chú và tham chiếu và không làm ảnh hưởng đến cấu trúc của bảng phụ địa lý.

Hiện nay ở nước ta có 64 tỉnh, thành là những đơn vị địa lý hành chính tương ứng với 9 vùng miền trên và người ta đã tận dụng 9 tiểu phân mục để chia nhỏ. Thí dụ - 597 3 Vùng Đồng bằng sông Hồng sẽ có các ký hiệu chi tiết:

- 597 31 Thành phố Hà Nội
- 597 32 Hà Tây
- 597 33 Hưng Yên
- 597 34 Hải Dương
- 597 35 Thành phố Hải Phòng
- 597 36 Thái Bình
- 597 37 Hà Nam

- 597 38 Nam Định

- 597 39 Ninh Bình

Trong bài viết "Tác động qua lại giữa DDC 14 tiếng Việt và DDC 22 nguyên bản tiếng Anh" (4) ông Vũ Văn Sơn giải thích thêm rằng:

- Dưới các tiểu phân mục địa lý đều có ghi chú chỉ dẫn nói xếp các địa vật tự nhiên liên quan mà có nhiều tài liệu đề cập tới, ví dụ các sông, hồ, hang động, núi đồi nổi tiếng.

- Trong trường hợp một địa vật tự nhiên vượt ra ngoài biên giới của khu vực địa lý có ký hiệu xác định, thì sẽ có ghi chú hướng dẫn những phần cụ thể của địa vật đã được xếp ở đâu. Ví dụ: hình thức thể hiện tiểu phân mục liên quan tới dãy Trường Sơn trong bảng 2 được ghi như sau:

597 Vùng Ven biển Bắc Trung bộ, nhưng sẽ xếp vào đây các tài liệu về chủ đề "Dãy Trường Sơn..."

Về một phần cụ thể của khu vực hành chính, vùng hoặc địa vật này, xem phần đó theo chỉ dẫn - 4 - 9 (4).

Như vậy bảng ký hiệu địa lý Việt Nam trong DDC 14 là khá rõ ràng, ký hiệu ngắn gọn, xếp theo trình tự địa lý, chi tiết, hợp lý, dễ hiểu, dễ nhớ, kết hợp được các tên gọi truyền thống và hiện tại, tuân thủ bản đồ địa lý tự nhiên và hành chính mới nhất của nước ta. Trong bảng phụ địa lý chưa có ký hiệu chi tiết tới cấp quận, huyện, thị xã.

Về Lịch sử Việt Nam

Trong khung phân loại DDC lịch sử Việt Nam nằm trong bảng chính 900 có ký hiệu là 959.7

Chủ đề Lịch sử Việt Nam trong DDC 14 quá nghèo nàn và chỉ gói gọn trong mục 959.704 và cũng chỉ phản ánh giai đoạn lịch sử Việt Nam từ năm 1949 đến nay (với ghi chú xếp thời kỳ từ 1900 - 1949 vào mục 959.7). Trong các kho sách, báo, tư liệu của các thư viện lớn ở nước ta như Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Khoa

học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội), Thư viện Viện Sử học, Thư viện Viện Văn học... có nguồn tư liệu rất phong phú và đa dạng, không thể gói đủ trong mục 959.704. Mặt khác, việc phân kỳ lịch sử Việt Nam trong DDC không phù hợp với tiến trình lịch sử Việt Nam, không phù hợp với các giáo trình lịch sử đã và đang được giảng ở các cấp học của nước ta. Những người biên tập mở rộng DDC 14 đã đưa vào đây các phân mục có sẵn trong ấn bản đầy đủ DDC 22, các nguyên tắc phân kỳ Lịch sử Việt Nam, các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam và dựa vào việc thực tế mở rộng tự phát DDC của một số thư viện ở nước ta, kết quả là phân mục lịch sử Việt Nam có nhiều mục hơn, chi tiết hơn, phù hợp với thực tế tiến trình lịch sử Việt Nam, đồng thời vẫn giữ được cấu trúc của DDC. Trong bảng chính 900 mốc lịch sử 1945 được thay cho mốc 1949. Các phân mục của bảng này được thể hiện như sau :

- | | |
|-----------|--|
| 959.701 | Sơ kỳ lịch sử cho tới năm 1939. Phân mục này lại được chi tiết hóa thành ba mục: |
| 959.701 1 | Sơ kỳ lịch sử cho tới năm 258 trước Công nguyên |
| 959.701 2 | Thời kỳ dựng nước 257-179 trước Công nguyên |
| 959.701 3 | Thời kỳ Bắc thuộc 179 - trước Công nguyên đến 939 sau Công nguyên |
| 959.702 | Thời kỳ 939 - 1883 |
| 959.702 1 | Nhà Ngô 939 - 944; Thập nhị xứ quân 944 - 968; Nhà Đinh 968 - 979 |
| 959.702 2 | Nhà tiền Lê 979 - 1009 |
| 959.702 3 | Nhà Lý 1009- 1225 |
| 959.702 4 | Nhà Trần 1225- 1400 |
| 959.702 5 | Nhà Hồ thời kỳ đô hộ của Nhà Minh 1400 - 1427 |

Phân mục này lại chi tiết hóa :

- | | |
|-------------|---------------------|
| 959.702. 51 | Nhà Hồ, 1400 - 1407 |
|-------------|---------------------|

- 959.702 52 Nhà Minh đô hộ 1407 - 1427
 959.702 6 Nhà Hậu Lê 1427 - 1592
 959.702 7 Nhà Mạc, nhà Lê Trung Hưng 1527 - 1788
 959.702 7 1 Nhà Mạc 1527 - 1592
 959.702 7 2 Nhà Lê Trung Hưng 1533 - 1789

Trong phân mục này bao gồm cả thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh 1627 - 1672 và khởi nghĩa Tây Sơn 1771

- 959.702 8 Nhà Tây Sơn 1778 - 1802
 959.702 9 Nhà Nguyễn 1802 - 1883
 959.703 Thời kỳ Pháp thuộc 1883 - 1945

Phân mục này được chi tiết hóa như sau :

- 959.703 1 Đấu tranh giành độc lập trước 1930 (1883 - 1930)
 959.703 2 Đấu tranh giành độc lập sau 1930 (1930 - 1945)

Cả các tài liệu về Cách mạng tháng 8 - 1945 được xếp vào mục 959.703 2

- 959.704 Thời kỳ 1945
 959.704 1 Thời kỳ 1945 - 1954
 959.704 2 Thời kỳ 1954 - 1961
 959.704 3 Chiến tranh Việt Nam 1961 - 1975
 959.704 4 Thời kỳ 1975 -
 959.704 41 Thời kỳ thống nhất đất nước 1975 - 1986
 959.704 4 2 Thời kỳ đổi mới 1986

Những mở rộng trên đây đã được Ủy ban chính sách biên tập Khung phân loại DDC (EPC) của Mỹ xem xét thông qua sau khi tham khảo ý kiến của OCLC và Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (cơ quan biên tập và phát triển DDC).

Việc phân chia các giai đoạn lịch sử Việt Nam đưa vào DDC 14 mở rộng chỉ là tương đối, nhưng một phần nào đó phù hợp với nguồn tư liệu hiện đang được bảo quản và lưu trữ trong các thư viện nước ta. Theo chúng tôi, các phân mục được mở rộng như vậy là vừa đủ và nếu chi tiết hơn nữa sẽ làm cho hệ thống ký hiệu kéo dài, tài liệu tản mạn, làm mất tin và gây khó khăn cho người tìm tin...

Về các dân tộc Việt Nam

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó trừ người Việt và người Khơme sống ở đồng bằng còn chủ yếu sống ở trung du và miền núi. Dân tộc nào cũng có một quá khứ lịch sử lâu đời và một nền văn hóa cổ truyền giàu bản sắc dân tộc. Trong những nền văn hóa của các dân tộc đều có những cái tuyệt hay, cái tuyệt đẹp là vốn quý của kho báu văn hóa Việt Nam.

Khi mở rộng chỉ số phân loại cho các dân tộc Việt Nam phải dựa trên các nhóm ngôn ngữ, đồng thời phải làm song song với việc mở rộng chỉ số phân loại cho các ngôn ngữ Việt Nam.

Các dân tộc Việt Nam nằm trong nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau thuộc ba dòng ngôn ngữ Nam Á, Nam Đảo và Hán - Tạng.

1. Dòng ngôn ngữ Nam Á thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường có các dân tộc: Việt, Mường, Thổ, Chứt.

+ Ngôn ngữ Môn - Khơme có: Khơme, Ba na, Xơ đăng, Cơ ho, Hrê, Mnông, Bru - Vân Kiều, Cơ Tu, Giẻ - Triêng, Khơ mú, Co, Ta Ôi, Chơ ro, Kháng, Xinh Mun, Mảng, Brâu, Ó đu, Rơ măn.

+ Ngôn ngữ Tày - Thái có: Tày, Thái, Nùng, Sấu Chay (Cao - Lan - Sán Chỉ), Giáy, Lào, Lự, Bố y.

+ Ngôn ngữ Mèo - Dao có: Hmông (Mèo), Dao, Pà Thẻn.

+ Ngôn ngữ Nam Á khác (Kadai) có: La Chí, La Ha, Cơ Lan, Pu Péo.

2. Dòng ngôn ngữ Nam Đảo có: Gia rai, Ê đê, Chăm (Chàm), Chu ru, Ra grai.

3. Dòng ngôn ngữ Hán - Tạng: Thuộc nhóm ngôn ngữ Hán có Hoa (Hán), Ngải, Sán Diêu.

+ Ngôn ngữ Tạng - Miến có: Hà Nhì, Lô Lô, La Hủ, Phù Lá, Cống, Si La.

Trong bản rút gọn DDC, ký hiệu 305.895 được sử dụng cho các dân tộc Đông Á và Đông Nam Á, nhóm người Munde. Dựa vào những dữ liệu ngôn ngữ dân tộc trình bày trên đây, Ban biên tập đã mở rộng chỉ số phân loại cho các dân tộc Việt Nam, ví dụ như :

305.895 97	Các dân tộc Hmông, Dao
305.895 972	Dân tộc Hmông (Mèo)
305.895 974	Dân tộc Pà Thẻn
305.895 978	Dân tộc Dao

Ký hiệu 305.895 thuận tiện trong việc bổ sung chi tiết các ký hiệu cho các dân tộc ở nước ta. Mỗi dân tộc về cơ bản có chỉ số phân loại riêng. Tuy nhiên một số dân tộc quá ít nguồn tư liệu, cho nên phải đặt dưới chung một ký hiệu phân loại, nhưng phải dựa vào nhóm ngôn ngữ hoặc dòng ngôn ngữ các dân tộc đó, ví dụ như dân tộc La Chí, La Ha, Cơ Lan, Pu Páo.

Về Ngôn ngữ Việt Nam

Như chúng tôi đã trình bày, ở nước ta có ba dòng ngôn ngữ chính: Nam Á, Nam Đảo và Hán - Tạng. Việc mở rộng chỉ số phân loại ngôn ngữ Việt Nam chủ yếu dành cho ngôn ngữ của một số dân tộc ít người.

Trước hết nhóm ngôn ngữ Việt - Mường thuộc dòng Nam Á bao gồm: Việt, Mường, Thổ, Chứt, có các ký hiệu:

495.922	Tiếng Việt
495.924	Tiếng Mường
495.926	Tiếng Thổ
495.928	Tiếng Chứt

495.229 Chữ Nôm (chi tiết hóa hơn một cấp của ký hiệu tiếng Việt)

Các ngôn ngữ khác của các dân tộc ít người được xếp vào nhóm ngôn ngữ tương ứng: Ví dụ như ngôn ngữ Mèo - Dao gồm Hmông (Mèo), Dao, Pà Thên có các ký hiệu phân loại là:

495.97 Các ngôn ngữ Mèo - Dao

495.972 Hmông (Mèo)

495.974 Pà Thên

495.978 Dao

Các ngôn ngữ thuộc nhóm Nam Đảo (Malay- Polinêdi) gồm Gia rai, Ê đê, Chăm, Ra grai, Chu ru, nằm trong ký hiệu phân loại dành cho ngôn ngữ phi Nam Đảo của châu Đại Dương là 499. Trên cơ sở chỉ số trên người ta thêm vào chỉ số cơ bản cho mỗi ngôn ngữ dân tộc đó, ví dụ: 499.2 tiếng Chăm.

Nhóm ngôn ngữ Hán - Tạng thuộc nhóm ngôn ngữ Hán có Hoa (Hán), Ngải, Sán Dìu xếp vào 495.17.

Nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến gồm có: Hà Nhì, Lô Lô, La Hú, Phú Lá, Phù Lá, Cống, Si La có chỉ số 495.4.

Nhóm ngôn ngữ Nam Á có : La Chí, La Ha, Cơ lao, Pu Péo xếp vào 495.9 là ký hiệu dành cho tạp ngữ Đông Nam Á.

Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, gồm Tày, Thái, Nùng, Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ), Giáy, Lào, La, Bó Y có ký hiệu phân loại là 495.91

Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme xếp vào 495.93.

Việc mở rộng các chỉ số phân loại cho ngôn ngữ Việt Nam trong DDC 14 phản ánh đúng thực tiễn các nhóm ngôn ngữ khác nhau của các dân tộc Việt Nam. Những người biên tập DDC 14 ấn bản tiếng Việt đã kết hợp có hiệu quả việc mở rộng DDC 14 cho các dân tộc, ngôn ngữ các dân tộc Việt Nam và văn học Việt Nam. Khả năng sử dụng các phần mục trong ấn bản đầy đủ DDC 22 vào

bản dịch DDC 14 đã mang lại những kết quả ngoài sự mong đợi, nhưng lại không vi phạm những nguyên tắc toàn vẹn của DDC.

Về Văn học Việt Nam

Các chỉ số phân loại Văn học Việt Nam trong DDC được mở rộng trên cơ sở ký hiệu 895.922 của DDC 22. Theo ông Vũ Văn Sơn (5), để đảm bảo cấu trúc chung của DDC, các biên tập viên Hoa Kỳ đã chủ động soạn thảo phần mở rộng cho văn học Việt Nam, có tham khảo một phần ý kiến của phía Việt Nam .

895.92	Văn học Việt - Mường
895.922	Văn học Việt Nam
895.924	Văn học Mường
895.927	Văn học Thổ
895.929	Văn học Chứt
895.93	Văn học Nam Á
895.932	Văn học Khơme
895.97	Văn học Hmông - Dao
895.972	Văn học Hmông (Mèo)
895.974	Văn học Pà Thẻn
895. 978	Văn học Dao

Trong mỗi mục lại được chi tiết hóa hơn nữa, thí dụ như mục 895.922 - Văn học Việt Nam bao gồm các ký hiệu

895.922 01	Tiểu phân mục chung
895.922 08	Sưu tập văn bản văn học nhiều thể loại
895.922 09	Lịch sử, mô tả, đánh giá, phê bình và các tác phẩm nhiều thể loại
895.922 1	Thơ Việt Nam
895.922 2	Kịch Việt Nam

895.922 3	Tiểu thuyết Việt Nam
895.922 4	Tiểu luận Việt Nam
895.922 5	Diễn văn Việt Nam
895.922 6	Thư từ Việt Nam
895.922 7	Văn hài hước và châm biếm Việt Nam
895.922 8	Tạp văn Việt Nam

Trong các chỉ số phân loại từ 895.922 1 đến 895.922 8 lại tiếp tục phân chia các ký hiệu chi tiết hóa hơn. Bảng văn học Việt Nam đã phản ánh được thực trạng nền văn học Việt Nam nói chung, đặc biệt là nền văn học của các dân tộc ít người ở nước ta. Những vấn đề lý luận, sáng tác, phê bình văn học, lịch sử văn học, thể loại v.v... được kết hợp hài hòa, rõ ràng và thuận tiện cho người dùng khi tìm tin.

Việc dịch và mở rộng một khung phân loại lớn như DDC là một việc làm vô cùng khó khăn và phức tạp, bởi vì nó đòi hỏi những người dịch thuật và những người biên tập mở rộng phải am hiểu sự phát triển của các ngành khoa học và công nghệ, đặc biệt là các ngành khoa học xã hội và nhân văn, như vấn đề phân kỳ lịch sử Việt Nam, các nhóm tộc người ở Việt Nam, các nhóm ngôn ngữ và dòng ngôn ngữ, những vấn đề về chủ nghĩa Marx-Lenin v.v... Một trong những khó khăn nữa khi dịch thuật là các thuật ngữ khoa học và công nghệ còn rất thiếu trong các sách từ điển tra cứu và nếu có thì đôi khi lại không thống nhất ngay trong một ngành khoa học, thậm chí ngay cả trong lĩnh vực như thông tin, thư viện, tư liệu. Những vấn đề về phiên âm tên người, tên địa danh, tên nước... cũng rất khác nhau, thậm chí ngay cả cách viết, ví dụ Italia hay Ý, Khome hay viết Khme..., phiên âm có gạch nối hay viết liền, ví dụ Va-ti-căng hay Vatican?

Để giải quyết những khó khăn trên đây cũng cần phải lưu ý là những danh từ chung đã được Việt hóa thông dụng nên viết theo cách viết thông dụng, như tách từng âm tiết, ví dụ ô tô, ca cao...,

còn những danh từ chung chưa được Việt hóa thông dụng thì phiên âm theo hướng dẫn của tiêu chuẩn Việt Nam TCVN-5529 - 191, tức là viết liền, ví dụ Đảng Golkar, Arizona...

Những người dịch thuật và biên tập mở rộng DDC đã chú ý tới vấn đề chính tả của tiếng Việt, đồng thời rất coi trọng đến các ghi chú và các tham chiếu trong khung. “Có thể nói hệ thống ký hiệu và đề mục là "phân xương", ghi chú và tham chiếu là "phân thịt", "phân hồn". Khi phân loại, bảng chỉ mục quan hệ (Relative Index) có chức năng đưa ra ký hiệu định hướng, chỉ sau khi đối chiếu với nội dung ghi chú và tham chiếu dưới các mục phân loại tương ứng trong bảng chính và bảng phụ mới có thể xác định được chính xác ký hiệu” (Chỉ số phân loại) (4).

Như vậy, DDC 14 tiếng Việt đã chính thức có mặt tại Việt Nam. Đây là bản dịch có bản quyền hợp pháp, được phép xuất bản và sử dụng chính thức ở nước ta. Giới thông tin thư viện lại được làm quen với DDC bằng tiếng Việt và nó sẽ trở thành một công cụ phân loại thống nhất cho các thư viện trong cả nước và dễ hội nhập với cộng đồng thư viện thế giới.

II. Viện Thông tin Khoa học xã hội và khả năng ứng dụng DDC

Thư viện Khoa học xã hội (nay thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội) đã có tuổi đời hơn 100 năm. Thời kỳ đầu Thư viện là một bộ phận trực thuộc Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp với một khối lượng tư liệu không nhiều về các ngành khoa học xã hội như: sử học, khảo cổ học, dân tộc học, văn học, văn hoá học, ngôn ngữ học, địa lý học... Chủ yếu các sách báo viết bằng tiếng Anh, Pháp, Hán, Nhật, Nôm, tiếng Việt và một số ít loại ngôn ngữ khác. Thư viện có một bộ sưu tập sách báo và mang đậm nét sắc thái riêng như các bộ sưu tập ảnh về di tích lịch sử, sinh hoạt văn hoá, phố cổ Hà Nội..., hay như bộ đầy đủ Tứ khố toàn thư của Trung Quốc.

Vậy Thư viện Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp đã sử dụng khung phân loại nào? Trước năm 1957, là năm Pháp bàn giao thư viện cho

Việt Nam, khi đó thư viện sử dụng bảng phân loại chữ cái chủ đề do các cán bộ thư viện của trường tự soạn. Bảng phân loại chủ đề rất đơn giản chỉ bao gồm các chủ đề chính:

1. Các khoa học tự nhiên
2. Các khoa học ứng dụng
3. Các khoa học nhân văn
4. Các khoa học xã hội

Trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, Thư viện lấy các bộ môn khoa học làm chủ đề như: lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học, văn học, ngôn ngữ học, địa lý học, triết học, luật học... Và trong mỗi chủ đề, bộ môn khoa học hoàn toàn không chia nhỏ thành các lớp tiểu chủ đề. Như vậy khi cần xây dựng một chủ đề nào là có thể lập ngay một chủ đề mới mà không ảnh hưởng tới bất kỳ cấu trúc nào.

Vào cuối những năm 50 đầu những năm 60 của thế kỷ trước, thư viện (trực thuộc Ủy ban Khoa học-Kỹ thuật Nhà nước) sử dụng khung phân loại trung tiểu hình 17 lớp của Trung Quốc. Khung phân loại này cũng rất đơn giản dùng để phân loại tài liệu và xây dựng các hệ thống tra cứu.

Năm 1967, Thư viện Khoa học xã hội ra đời. Thư viện quản lý toàn bộ sách báo tư liệu khoa học về các ngành khoa học xã hội và nhân văn với một khối lượng tài liệu tương đối lớn. Khung trung tiểu hình là khung phân loại dành cho các thư viện vừa và nhỏ với số lượng sách báo không nhiều. Do vậy Thư viện Khoa học xã hội đã tìm kiếm một khung phân loại mới thay thế khung phân loại đang sử dụng. Khung phân loại mới thay thế phải hiện đại hơn, phù hợp với nguồn sách báo hiện có, và triển vọng phát triển các nguồn lực phải phù hợp với sự phát triển của các ngành khoa học xã hội ở nước ta, phù hợp với sự trao đổi văn hoá, khoa học, phù hợp với hoạt động trao đổi tài liệu giữa các thư viện trong và ngoài nước.

Sau khi nghiên cứu một số hệ phân loại và đặc biệt sau khi các chuyên gia Liên Xô cũ giới thiệu khung phân loại BBK do Liên

Xô biên soạn, lãnh đạo Thư viện Khoa học xã hội quyết định chuyển sang sử dụng khung phân loại BBK phân các khoa học xã hội. Xét về hoàn cảnh lịch sử, BBK ra đời trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, thời kỳ khoa học - kỹ thuật phát triển cao ở cả chiều rộng và chiều sâu, và thời kỳ phát triển không ngừng nguồn sách, báo, tư liệu khoa học kỹ thuật. BBK là khung phân loại thứ bậc và hiện đại. Theo các chuyên gia thư viện của Thư viện Khoa học Kỹ thuật trung ương và Thư viện Khoa học xã hội thì BBK đáp ứng được nhiệm vụ phân loại tài liệu và phù hợp với thực tiễn công tác thư viện ở nước ta.

Như vậy BBK đã được biên dịch sang tiếng Việt, có sửa đổi, bổ sung thêm các phần mục cho phù hợp với sự phát triển của các ngành khoa học xã hội và nhân văn và phù hợp với nguồn tài liệu đang phát triển. Đối với công việc chuyển khung (khung sơ bộ), các cán bộ biên tập phải thực hiện trong thời gian 4 năm từ 1970-1973 và hoàn thành đầy đủ vào năm 1987.

Những điều trên đây cho thấy từ khi thành lập Thư viện trường Viễn Đông Bác cổ Pháp đến Thư viện Khoa học xã hội và từ năm 1975 là thư viện thuộc Viện Thông tin Khoa học xã hội, thư viện đã chuyển và sử dụng tới 3 khung phân loại: chủ đề - bộ môn khoa học, trung tiểu hình 17 lớp và BBK.

Trong thời gian gần đây, Thư viện Quốc gia Việt Nam đã cho công bố bản dịch và mở rộng DDC bản rút gọn xuất bản lần thứ 14. Mục đích của việc dịch và mở rộng DDC 14 là dùng để làm công cụ phân loại thống nhất cho cả nước, để hội nhập với cộng đồng thư viện thế giới. Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, DDC sẽ là khung phân loại dùng cho hệ thống thư viện mà trước hết là hệ thống thư viện của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Một vấn đề đặt ra là nếu Thư viện Khoa học xã hội (Viện Thông tin Khoa học xã hội) áp dụng khung DDC 14 mở rộng thì có những khó khăn và thuận lợi gì? Có những điều kiện cần thiết gì khi áp dụng khung DDC ?

Chúng ta thử bàn tới những vấn đề đặt ra trên đây.

Thứ nhất, DDC bản rút gọn được dịch sang tiếng Việt với một Ban dịch thuật và biên tập gồm các chuyên gia đang công tác tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia, Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Hội Thông tin tư liệu khoa học công nghệ Việt Nam và Thư viện Đại học Mở - Bán công Tp. Hồ Chí Minh. Việc dịch thuật và biên tập được kết hợp giữa người và máy tính. Phần mềm Pansoft (CHLB Đức) đã cung cấp các tiện ích cho việc dịch thuật các bản chính, bản phụ và các bản chỉ dẫn. Bản dịch DDC 14 đã được Hội đồng tư vấn của Việt Nam thông qua và đồng thời Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ đã có chính sách biên tập lại để sử dụng trong phạm vi toàn cầu. Như vậy DDC sẽ được sử dụng chính thức ở nước ta bên cạnh các chuẩn nghiệp vụ AACR2 và MARC21, rất thuận lợi trong việc khai thác các phần, mục phù hợp với loại hình thư viện như Thư viện Khoa học xã hội.

Thứ hai, các phần, mục về các ngành khoa học xã hội và nhân văn đã được Việt Nam hoá và mở rộng khá chi tiết có tính đến triển vọng phát triển của khoa học xã hội ở nước ta.

Chúng ta thuận lợi trong việc kế thừa và áp dụng những kết quả của bản dịch tiếng Việt DDC 14. Bởi vì việc mở rộng các chỉ số phân loại là công đoạn quan trọng nhất của quá trình chuyển khung.

Thứ ba, DDC đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều nước và ở miền Nam Việt Nam trong những năm 60 của thế kỷ trước bằng các bản lược dịch hoặc dùng trực tiếp bằng tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp. Còn trong những năm gần đây một số trường đại học cũng đã dùng các bản lược dịch để sử dụng nội bộ. Qua quá trình sử dụng DDC, các thư viện đã đúc kết được nhiều vấn đề lý luận và nhiều kinh nghiệm thực tiễn phân loại tài liệu theo DDC. Chính những kinh nghiệm khi sử dụng DDC đã tạo thuận lợi cho chúng ta tìm ra các bước đi vừa tiết kiệm thời gian vừa có hiệu quả kinh tế, không tạo ra các bước hẫng hụt cho cả những người làm phân loại cũng như những người tra cứu tin theo DDC.

Thứ tư, nếu DDC trở thành công cụ phân loại thống nhất cho hệ thống thư viện ở nước ta, thì chúng ta sẽ có thuận lợi hơn trong

việc giao dịch, trao đổi, truy cập thông tin giữa các thư viện, không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài (tất nhiên trong thực tiễn công tác thư viện, chúng ta vẫn trao đổi tài liệu, mượn tài liệu giữa các thư viện, truy cập thông tin từ bất kỳ nguồn nào, bất kỳ ở đâu).

Thứ năm, khi chuyển sang dùng DDC, chúng ta không cần phải xây dựng các hệ thống tra cứu thủ công như trước đây mà nó sẽ được thay thế bằng máy tính.

Thứ sáu, về bản quyền tiếng Anh, Thư viện Quốc gia Việt Nam đã mua bản quyền của Trung tâm Thư viện Tin học hoá trực tuyến Hoa Kỳ. Đây là khuôn khổ pháp lý đảm bảo cho việc triển khai ứng dụng DDC.

Trên đây chúng tôi trình bày một số thuận lợi cơ bản nếu như thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội có ý tưởng áp dụng khung DDC vào công tác thư viện trong tương lai.

Hiện nay chúng ta đang sử dụng BBK với tính cách một phương tiện phân loại tài liệu tương đối hiện đại và đã được "Việt hoá" ở mức cao nhất. BBK đã ăn sâu vào tiềm thức và tư duy phân loại của các cán bộ thư viện và bạn đọc trong nhiều thập niên qua. Việc thay thế bằng một khung phân loại mới như DDC không thể một sớm một chiều làm thay đổi ngay cách tư duy phân loại theo BBK. Chẳng hạn, bất kỳ một cán bộ thư viện làm công tác phân loại nào cũng nắm rất rõ tư tưởng chủ đạo xuyên suốt BBK là tư tưởng chủ nghĩa Marx-Lenin và nó chiếm vị trí đầu tiên trong dãy cơ bản của BBK và trong một số mục chuyên ngành. Chuyên mục chủ nghĩa Marx-Lenin trình bày trong BBK với tư cách là một hệ thống toàn vẹn bao quát những sách báo tổng hợp về học thuyết Marx-Lenin và các sách báo về các bộ phận cấu thành của nó. Trình bày ví dụ trên đây cho thấy một thực tại là cán bộ thư viện đã rất quen với cấu trúc của BBK, nhưng đối với DDC hoàn toàn không có cấu trúc như vậy. Chủ đề chủ nghĩa Marx-Lenin nằm chung trong chỉ số 320 hệ tư tưởng chính trị. Như vậy, tuy đã có bản dịch tiếng Việt và phần mở rộng các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn thì chúng ta cũng chưa thể ứng dụng ngay được vào công

tác phân loại tài liệu.

Nếu như thư viện sử dụng khung phân loại DDC làm phương tiện phân loại tài liệu cho thư viện thì sẽ tạo ra hai hệ thống tra cứu: BBK hiện tại và DDC tương lai. Hai hệ thống tra cứu này chưa thể liên kết với nhau, mà chỉ hỗ trợ cho nhau mang tính cục bộ. Như vậy, chúng ta vừa tổ chức hệ thống tra cứu mới theo DDC, đồng thời phải bổ sung hoàn thiện cho hệ thống tra cứu cũ theo BBK.

Trong quá trình DDC được biên tập và mở rộng về các chuyên ngành khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội không được tham vấn, mặc dù chúng ta là một thư viện khoa học xã hội lớn nhất ở nước ta, ít nhiều cũng có kinh nghiệm nhất định trong việc dịch và mở rộng khung BBK và nắm chắc các chủ đề về các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn, các ngành khoa học giáp ranh. Do vậy, trong phần mở rộng DDC, người ta không tránh khỏi bỏ qua nhiều chủ đề, nhưng đối với khoa học xã hội các chủ đề đó lại là những chủ đề quan trọng, ví dụ như chủ đề "chủ nghĩa thực dân cũ"; "chủ nghĩa thực dân mới"... Các chủ đề như trên nhất thiết phải được bổ sung, song một vấn đề đặt ra là có được phép bổ sung thêm các chủ đề không hay phải xếp chúng vào mục nào đó gần sát với nội dung của nó. Việc thêm, bớt các chỉ số phân loại đối với khung phân loại như chữ cái - chủ đề chẳng hạn là việc làm thường xuyên, nhưng đối với DDC, các phần mục mở rộng bản tiếng Việt đã được Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ phê duyệt và cho phép sử dụng trong hệ thống thư viện ở nước ta. Với bản tiếng Việt DDC 14 có cấu trúc như vậy, chúng ta buộc phải phát triển và mở rộng thêm DDC cho phù hợp với nguồn tài liệu khoa học xã hội.

Nếu lấy DDC làm công cụ phân loại tài liệu, thì chúng ta phải thực hiện một số bước cơ bản sau:

1. Tách phần các ngành khoa học xã hội của DDC thành một tập riêng để dùng cho quá trình phân loại tài liệu.

2. Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản của DDC trước khi đưa vào sử dụng trong thực tiễn. Đó là các vấn đề: phương pháp luận

của DDC, cấu trúc DDC và cách phân chia các phần mục về khoa học xã hội, sự liên kết giữa các mục, hệ thống các ký hiệu và chỉ số, tính hiệu quả tìm tin của DDC v.v... Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề trên, chúng ta sẽ đưa ra những đề xuất sử dụng khung DDC như thế nào trong những điều kiện thực tế của thư viện. Viện Thông tin Khoa học xã hội đề xuất các vấn đề bổ sung, thay thế các chỉ số phân loại cho phù hợp với các tài liệu khoa học xã hội, đồng thời cũng đề xuất việc thay thế các thuật ngữ khoa học xã hội chưa có độ chính xác cao v.v... Tất nhiên những thay đổi này không ảnh hưởng tới cấu trúc của DDC.

3. Sau khi có tập DDC đầy đủ về các ngành khoa học xã hội, chúng ta tiến hành phân loại tài liệu thử nghiệm, trên cơ sở đó tìm ra các phương pháp phân loại có tính hiệu quả cao, phát hiện những vấn đề có thể gây tranh cãi về việc sử dụng chỉ số phân loại cho từng tài liệu cụ thể, rút ra những kinh nghiệm có được trong khâu thử nghiệm.

4. Phân loại chính thức các tài liệu và xây dựng các hệ thống tìm tin theo DDC.

5. Tiến hành đào tạo lại các cán bộ phân loại tài liệu theo DDC.

6. Giới thiệu phương pháp tìm tin theo DDC cho bạn đọc hay người dùng tin.

7. Vấn đề quan trọng nhất là đảm bảo tài chính cho việc nghiên cứu và chuyển khung.

Trên đây chúng tôi trình bày một số vấn đề về việc Thư viện Khoa học xã hội chuyển sang sử dụng khung phân loại DDC 14 bản tiếng Việt. Chúng tôi chỉ nêu lên một vài suy nghĩ về những thuận lợi và khó khăn, những điều kiện cần thiết nếu áp dụng DDC. DDC là một khung phân loại hiện đại thường xuyên được bổ sung và hoàn thiện. DDC đang là khung phân loại số một được nhiều thư viện của nhiều nước trên thế giới sử dụng và nhiều thư viện lớn đang có xu hướng chuyển sang DDC, kể cả các thư viện lớn của

nước Nga.

Những vấn đề chúng tôi nêu ra trên đây là những vấn đề phức tạp khi phải thay đổi từ khung phân loại này sang một khung phân loại khác. Việc có sử dụng DDC hay không sẽ do cấp lãnh đạo cao nhất của Viện Khoa học xã hội Việt Nam quyết định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội thảo “Dịch và nghiên cứu áp dụng bảng phân loại Dewey vào công tác thư viện Việt Nam”, Hà Nội ngày 17/03/2000.
2. Vũ Văn Sơn. Tình hình dịch và mở rộng khung DDC ở Việt Nam. *Thông tin – Tư liệu*, 2005, số 1, tr. 8-15.
3. Vũ Văn Sơn. Dịch và mở rộng DDC 14 - Đánh giá kết quả giữa dự án. *Thư viện Việt Nam*, 2005, số 2, tr. 53-57.
4. Vũ Văn Sơn. Tác động qua lại giữa DDC 14 tiếng Việt và DDC 22 nguyên bản tiếng Anh. *Thông tin – Tư liệu*, 2006, số 3, tr. 19-23.
5. Lê Ngọc Oánh. Những vấn đề cụ thể trong việc mở rộng các con số liên quan đến Việt Nam trong khung phân loại thập phân Dewey. *Câu lạc bộ thư viện*, 2000, số 4, tr. 8.
6. Hội thảo “Hệ thống và tiêu chuẩn cho thư viện Việt Nam”, thành phố Hồ Chí Minh ngày 26-28/9/2001.